

Bản án số: 154/2026/HS-ST

Ngày: 30 – 3 – 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Bá Duy Phương.

2/ Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 150/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Huỳnh Minh T, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Minh H và bà Nguyễn Thị Tuyết N; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 31/3/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Nguyễn Tuyết K, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Phụ tá phòng khám N2; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị T1; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 31/3/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1993; Địa chỉ: 5 C, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1995; Địa chỉ: 5 C, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị Hồng N1.

- *Người làm chứng*: Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1965; Địa chỉ: 2 L, Phường A (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Ông Lương Hữu P1 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; Địa chỉ: số C, đường số B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 22/10/2020, Huỳnh Minh T, Phan Nguyễn Tuyết K và Phạm Thị Hồng N1 đi xem phim tại rạp G, Quận A, thì gặp Nguyễn Ngọc M1 đi cùng Lê Thị Ngọc A. K hỏi M1 về số tiền còn nợ của T, M1 chưa kịp trả lời thì T dùng tay đánh vào đầu Mai một cái rồi kéo M1 xuống ghế, M1 lấy chiếc điện thoại trong túi xách ra định gọi cho bạn thì T giật lấy chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của M1. Lúc này, nhân viên rạp phim thấy ồn ào nên yêu cầu mọi người ra ngoài, cả nhóm di chuyển ra bãi giữ xe. Tại đây, T và M1 tiếp tục cãi nhau, T dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu của M1, K cũng dùng tay không đánh M1 thì được mọi người can ngăn. T gọi điện thoại cho P2 (chưa rõ lai lịch) đến để hỗ trợ giải quyết chuyện M1 nợ tiền. Một lúc sau, P2 chở thêm một người thanh niên đến, T nói đi kiểm quán cà phê để giải quyết. Sau đó, T kêu Ngọc A chở P2, còn M1 được người thanh niên trong nhóm của P2 chở đi cùng với nhóm của T. Khi đến trường L gần khu vực ngã 6 D thì nhóm của T dừng lại bắt M1 viết giấy nợ nhưng do trời mưa nên T kêu tìm quán khác rồi chở M1 đến quán số B L, Phường A, Quận C (nay là phường N), Thành Hồ Chí M2. Tại đây, do máu ở mũi của M1 chảy ra nhiều nên nhóm của T kêu M1 đeo khẩu trang rồi bắt M1 viết giấy, xác nhận nợ số tiền 40.490.000 đồng, do bị đau nên M1 không viết được thì K bắt Ngọc A viết thay cho M1 theo nội dung K yêu cầu rồi bắt M1 ký tên. Sau khi ký giấy nợ xong thì K bắt M1 phải tháo chiếc nhẫn vàng đang đeo đưa cho K để giữ lại. M1 tháo chiếc nhẫn đưa cho K rồi K cầm đưa cho T. Chị M1 có xin lại chiếc điện thoại Iphone 7 plus nhưng T và K không đồng ý, K tháo sim ra đưa lại cho M1 rồi cả nhóm T ra về. Đến ngày 25/10/2020, chị M1 đến Công an P3, Quận C trình báo lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) giải quyết.

Tại Bản Kết luận giám định số 6970/KL-KTHS ngày 25/11/2024 của V tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính một hạt đá lớn màu trắng và 6 hạt đá nhỏ màu trắng nhỏ, tổng khối lượng 3, 8521 gam, có thành phần chủ yếu là vàng (A), B (A), Đ (Cu). Hàm lượng: Vàng 74,59%, Bạc 13,02%, Đồng 12,30%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận C, xác định: Vào thời điểm tháng 10/2020, chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu vàng, dung lượng 32 Gb trị giá 3.500.000 đồng, 01 nhẫn kim loại vàng trọng lượng 1,027 chỉ trị giá 3.949.020 đồng. Tổng trị giá tài sản qua định giá: 7.449.020 đồng.

Đối với các đối tượng đi chung với T, K đến quán cà phê số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh do chưa xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục truy xét, làm rõ xử lý sau.

Ngoài hành vi “Cướp tài sản”, Huỳnh Minh T và Phan Nguyễn Tuyết K còn có hành vi “Cố ý gây thương tích” nhưng do bị hại chị Nguyễn Ngọc M1 không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định tỷ lệ thương tích nên Cơ quan điều tra không xử lý.

* Vật chứng: 01 (một) điện thoại Iphone 7 plus đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 1,027 chỉ. Tất cả đã được chuyển đến kho vật chứng của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản cáo trạng số 123/CT-VKSKV1 ngày 11 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Huỳnh Minh T và Phan Nguyễn Tuyết K phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”, xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuyết K từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại 01 (một) điện thoại Iphone 7 plus đã qua sử dụng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 1,027 chỉ.

- *Người bào chữa cho các bị cáo - luật sư Lương Hữu P1 trình bày quan điểm tranh luận:* Qua những chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, luật sư thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc bởi lẽ xét về động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo trong vụ án là chỉ muốn lấy lại số tiền mà bị hại đã nợ của bị cáo T, nhưng vì hiểu biết pháp luật hạn chế, thiếu suy nghĩ nên các bị cáo đã xử sự và hành động theo cách mà pháp luật cho phép. Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo T đã nhiều lần phải đi cấp cứu do bị cáo có bệnh lý hen suyễn mãn tính, sau thời gian nhiễm covid 19 tình trạng bệnh của bị cáo nghiêm trọng hơn. Đối với bị cáo K có thời gian dài điều trị các bệnh lý về trầm cảm như rối loạn lo âu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật cho các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, thống nhất với ý kiến của luật sư bào chữa. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 20/10/2020, tại rạp phim G N, phường B và số B L, phường N, Huỳnh Minh T và Phan Nguyễn Tuyết K có hành vi dùng tay đánh bị hại lấy 01 (một) điện thoại Iphone 7 plus và gây sức ép uy hiếp tinh thần buộc bị hại viết giấy nhận nợ và lấy thêm 01 nhẫn kim loại vàng trọng lượng 1,027 chỉ, tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị 7.449.020 đồng. Đối với hành vi Huỳnh Minh T dùng nón bảo hiểm đánh chị M1 tại bãi xe, theo lời khai của những người có mặt và lời khai của các bị cáo thể hiện tại bãi xe, do chị M1 và T cãi nhau nên T đã đánh M1 là mâu thuẫn cá nhân, không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản đồng thời chị M1 không yêu cầu xử lý hành vi và từ chối giám định tỷ lệ thương tích nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi Cố ý gây thương tích là có căn cứ. Với những tình tiết của vụ án có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Ngày 28/01/2026, Tòa án đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ việc chị M1 và chị Lê Thị Ngọc A đi cùng các bị cáo T, K và 04 đối tượng khác (trong đó có 03 thanh niên do T gọi đến và chị Phạm Thị Hồng N1) đến B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh để viết giấy nợ có dấu hiệu của T2 bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật hay không? Tuy nhiên tại công văn số 165/CV - VKSKV1 ngày 24/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện việc chị M1 và chị Ngọc A đi cùng đến B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh là tự nguyện nên không đủ cơ sở xử lý. Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử thì Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa chung mới có tác dụng răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong vụ án không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai rõ hành vi phạm tội và thể hiện sự ăn năn hối cải, đồng thời bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo trong vụ án hiện mắc nhiều bệnh lý như hen suyễn, rối loạn lo âu nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Đối với các đối tượng đi cùng với T, K đến quán cà phê số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa xem xét trong vụ án này. Kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có liên quan đến vụ án sẽ xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng: Thu giữ 01 (một) điện thoại Iphone 7 plus đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 1,027 chỉ của bị hại. Tại Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 18/3/2026 chị M1 yêu cầu nhận lại các tài sản, căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, trả lại các tài sản trên cho chị M1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 03 (ba) năm (03) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2025.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuyết K 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2025.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Trả lại cho chị Nguyễn Ngọc M1 01 (một) điện thoại Iphone 7 plus đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 1,027 chỉ. *(theo Phiếu nhập kho số 34/NK/2026 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 63/2026)*

4. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- VKSND Khu vực 1, TP.HCM;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP.HCM;
- Thi hành án hình sự Khu vực 1, TP.HCM;
- Lưu VP - hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nhật Minh

